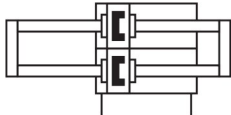


# Xylanh hai pít tông DGTZ-GF-20-20-J-T-P-A

Số bộ phận: 8103488

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                                  | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                                                | 20 mm                                                         |
| Phạm vi vị trí cuối/chiều dài có thể điều chỉnh                           | 10 mm                                                         |
| Ø pít tông                                                                | 20 mm                                                         |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                                       | Hai ách                                                       |
| Đệm                                                                       | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                                            | bất kì                                                        |
| Dẫn hướng                                                                 | Thanh dẫn hướng trượt                                         |
| Cấu trúc xây dựng                                                         | Dẫn hướng                                                     |
| Phát hiện vị trí                                                          | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                                          | 0.12 MPA...0.8 MPA<br>1.2 bar...8 bar                         |
| Nguyên tắc vận hành                                                       | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                     | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                      | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                                             | VDMA24364 Vùng III                                            |
| Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14 | Loại 5 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                            | -10 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                                      | 0.2 N m                                                       |
| Tải trọng tối đa tùy thuộc vào hành trình ở một khoảng cách xác định xs   | 21.6 N                                                        |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi                     | 283 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống                     | 283 N                                                         |
| Khối lượng di chuyển                                                      | 278 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                                      | 695 g                                                         |
| Cổng nối khí nén                                                          | M5                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                                          | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                                              | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                                         | NBR                                                           |
| Vật liệu vỏ                                                               | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu thanh piston                                                     | thép không gỉ hợp kim cao                                     |